

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2017/DS-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Dương Diễm.

2. Ông Phạm Hồng Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLST-DS ngày 24/7/2017 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-DS ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H R Niê (tên gọi khác: Mĩ H, Mĩ T), sinh năm 1969

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết L, sinh năm 1995 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2017).

Địa chỉ: đường A, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà H D Kpor, sinh năm 1985

Địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Viết L trình bày như sau:

Do có mối quan hệ họ hàng xa nên ngày 27/4/2013 bị đơn đến nhà nguyên đơn đề nghị vay số tiền 250.000.000đ, nhưng tại thời điểm đó nguyên đơn chỉ có 236.000.000đ nên cho vay và lập hợp đồng. Đến chiều cùng ngày 27/4/2013, nguyên đơn có thêm 13.500.000đ nên gọi bị đơn đến để cho vay thêm và lập hợp

đồng khác; thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng vay nhưng các bên có thỏa thuận bằng miệng lãi là 3.000đ/ 1.000.000đ/ ngày; khi giao tiền các bên lập giấy vay do bà H D viết và ký xác nhận nợ tại nhà của nguyên đơn, không giao nhận tài sản gì làm tin. Ngoài hai khoản vay này giữa các bên không còn khoản vay nào khác. Việc vay mượn chỉ thực hiện giữa nguyên đơn và bị đơn, không có các thành viên khác trong gia đình tham gia cũng như không có người làm chứng.

Đối với khoản vay 13.500.000đ thỏa thuận thời gian trả nợ cùng với khoản vay 236.000.000đ nhưng chủ quan nên nguyên đơn không nhắc bị đơn viết thời hạn trả nợ khi viết giấy nhận nợ.

Quá thời hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn cố tình trốn tránh không trả nợ gốc và lãi.

Quá trình khởi kiện do nhầm lẫn nên nguyên đơn ghi nhầm là 249.000.000đ, sau đó nguyên đơn đã bổ sung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa xác định yêu cầu bị đơn trả số tiền 249.500.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật.

Đối với nội dung giấy biên nhận đề ngày 05/4/2017 phía trên cùng trên một mặt giấy với giấy vay tiền 13.500.000đ đề ngày 27/4/2013 có nội dung "...H D Kpor có mượn của di Mĩ H 01 sổ đỏ số R 608636" không liên quan đến các khoản vay này, các bên đã tự thỏa thuận vấn đề này, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã nghe đại diện Tòa án giải thích về thời hiệu khởi kiện nhưng đề nghị Tòa án không áp dụng thời hiệu.

Việc bị đơn cho rằng các khoản nợ đã trả hết chỉ còn nợ 80.000.000đ bằng giấy vay tiền khác và số tiền tiền 13.500.000đ là tiền lãi của khoản vay khác nguyên đơn không đồng ý. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 249.500.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà H D Kpor trình bày như sau:

Bị đơn có quan hệ họ hàng với nguyên đơn, do đó bị đơn đã nhiều lần vay tiền của nguyên đơn có khoản trả có khoản chưa trả. Bị đơn không nhớ được đã vay bao nhiêu tiền và vay bao nhiêu lần vào thời gian nào. Tuy nhiên, hiện nay chỉ còn nợ lại 80.000.000đ (bị đơn không nhớ ngày vay). Khoản vay này các bên có lập giấy tờ hay không thì bị đơn không nhớ, chứng cứ bị đơn sẽ cung cấp sau.

Khoản vay 236.000.000đ ngày 27/4/2013 theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp đúng là chữ viết và chữ ký của bị đơn. Tuy nhiên bị đơn đã trả toàn bộ gốc và lãi 4.000đ/ 1.000.000đ/ ngày đối với khoản vay này. Khi trả các bên có viết biên bản giao nhận tiền hay không thì bị đơn không nhớ. Về thời gian trả nợ bị đơn cũng không nhớ nhưng giấy vay tiền nguyên đơn không đưa lại cho bị đơn. Do tin tưởng nên bị đơn không có ý kiến gì, bị đơn sẽ về kiểm tra lại giấy tờ đang lưu giữ, nếu có chứng từ bị đơn sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

Đối với khoản vay 13.500.000đ đề cùng ngày 27/4/2013 là tiền lãi suất của

khoản vay 160.000.000đ (khoản vay khác bị đơn vay của nguyên đơn, không liên quan đến vụ án này cũng như không phải lãi của khoản vay 236.000.000đ) nhưng quá trình viết giấy nhận nợ bị đơn không viết đây là tiền lãi mà viết tiền gốc thì nguyên đơn mới cho nợ lại. Chữ viết và chữ ký là của bị đơn.

Đối với nội dung biên nhận ngày 05/4/2017 bị đơn có mượn 01 GCNQSDĐ của nguyên đơn không liên quan đến các khoản vay này, bị đơn không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vậy đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn không đồng ý, vì các khoản nợ 249.500.000đ trong các chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như các lần vay khác bị đơn đã thanh toán hết, chỉ còn nợ lại 80.000.000đ (không xác định được nợ lại của khoản nào, chỉ nhớ bị đơn có viết giấy nhận nợ). Bị đơn chấp nhận trả số nợ 80.000.000đ nếu nguyên đơn có yêu cầu và cung cấp được chứng cứ gốc.

Bị đơn đã nghe đại diện Tòa án giải thích về thời hiệu khởi kiện nhưng bị đơn không có ý kiến gì vì hiện tại bị đơn chỉ còn nợ lại 80.000.000đ vào thời gian nào thì bị đơn không nhớ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin trình bày quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án là phù hợp.

Về nội dung: Áp dụng các điều 471, 474 BLDS năm 2005: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H R Niê. Buộc bị đơn là bà H D Kpor có trách nhiệm trả cho bà H R Niê số tiền gốc là 249.500.000đ. Không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Theo nguyên đơn trình bày và cung cấp chứng cứ, ngày 27/4/2013 nguyên đơn cho bị đơn vay hai lần tổng cộng 249.500.000đ hạn 01 tháng sau trả. Như vậy kể từ thời điểm hạn trả nợ đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án là hơn 03 năm, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và Điều 429 BLDS 2015, khoản 14 Điều 26 BLTTDS 2015; nhưng do các bên không có tranh chấp về thời hiệu và theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS 2015, Điều 427 BLDS 2005 và khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 thì quan hệ tranh chấp trên là “Kiện đòi tài sản”.

Về thẩm quyền: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà H D Kpor vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 227, 228 để xét xử vụ án.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: các đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo nguyên đơn trình bày ngày 27/4/2013 nguyên đơn cho bị đơn vay hai lần tiền tổng cộng 249.500.000đ, hạn 01 tháng sau trả; lãi suất thỏa thuận bằng miệng 3.000đ/ 1.000.000đ/ ngày. HĐXX xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 471, 474 BLDS năm 2005. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ, đến hạn bị đơn không trả gốc và lãi mặc dù nguyên đơn đã đòi nhiều lần là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Xét việc các bên không tranh chấp yêu cầu áp dụng thời hiệu nên HĐXX không xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 184 BLTTDS là phù hợp.

Xét việc bị đơn cho rằng, việc bị đơn và nguyên đơn có mối quan hệ vay mượn là đúng. Đối với 02 khoản vay đề ngày 27/4/2013 tổng cộng 249.500.000đ đúng là chữ ký chữ viết của bị đơn, nhưng bị đơn đã trả hết chỉ còn nợ lại 80.000.000đ của khoản vay khác, đồng thời đề nghị nguyên đơn cung cấp chứng cứ nêu trên mới trả. Tuy nhiên nội dung trên không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không thực hiện, vắng mặt tại phiên tòa nên ý kiến của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Xét việc bị đơn cho rằng khoản vay 13.500.000đ cùng ngày 27/4/2013 là tiền lãi của khoản vay khác, nội dung này cũng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là lãi suất nên không có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn và nguyên đơn đều xác định khoản vay có thỏa thuận lãi 3.000đ – 4.000đ/ 1.000.000đ/ ngày. HĐXX nhận định lãi suất thỏa thuận như trên là vượt quá so với quy định pháp luật, quá trình khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả lãi. Tuy nhiên đây là quan hệ tranh chấp “kiện đòi tài sản” theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn không được chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn xác định việc vay mượn chỉ thực hiện giữa nguyên đơn

và bị đơn, không có các thành viên khác trong gia đình hai bên tham gia cũng như không có người làm chứng chứng kiến sự việc, không giao nhận tài sản làm tin nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với nội dung giấy biên nhận đề ngày 05/4/2017 phía trên cùng trên một mặt giấy với giấy vay tiền 13.500.000đ đề ngày 27/4/2013 có nội dung "...H D Kpor có mượn của dì Mĩ H 01 sổ đỏ số R 608636" các đương sự đều xác định không liên quan đến các khoản vay này, các bên đã tự thỏa thuận với nhau, không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên:

Đối với yêu cầu trả gốc được chấp nhận cần trả lại cho nguyên đơn số tiền 6.225.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000672 ngày 21/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về lãi suất không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bổ sung đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000122 ngày 30/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 12.475.000đ (249.500.000đ x 5%)

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 184; các điều 147, 203, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng các điều 427, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H R Niê.

Buộc bị đơn bà H D Kpor có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H R Niê số tiền 249.500.000đ (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn bà H R Niê.

2. Về án phí:

Bị đơn H D Kpor phải nộp 12.475.000đ (*mười hai triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà H R Niê số tiền 6.225.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000672 ngày 21/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà H R Niê phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.00đ tạm ứng án phí bổ sung đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000122 ngày 30/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Án xử sơ thẩm đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH